

## PHỤC HỒI SINH KẾ TẠI CÁC CỘNG ĐỒNG TÁI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN SƠN LA VÀ VAI TRÒ CỦA TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG TỘC NGƯỜI<sup>1</sup>

TẠ HỮU DỤC

### 1. Đặt vấn đề

Mỗi hộ gia đình có những hoạt động sinh kế nhất định để đảm bảo đời sống. Một sinh kế được xem là bền vững khi nó có thể đối phó và khôi phục trước tác động của những áp lực và những biến động, và duy trì hoặc tăng cường những năng lực cũng như nguồn lực của nó trong hiện tại và tương lai trong khi không làm suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên (Ashley và Carney, 1999; Shanks, 2002). Mục tiêu sinh kế bền vững hướng đến một tầm rộng lớn hơn, chú trọng vào con người và hiểu tầm quan trọng của các quy trình và cấu trúc trong quá trình xác định cách mà các nguồn lực, tài sản được tạo ra và sử dụng.

Như vậy, để có sinh kế bền vững, trước hết, cần phải sử dụng các nguồn lực, tài sản vốn có một cách bền vững. Cả hộ gia đình và cộng đồng phải ý thức được việc không chỉ sử dụng nguồn lực sẵn có mà phải liên tục bổ sung, tăng cường và phát triển nguồn lực đó để phát triển bền vững sinh kế của mình. Một trong những nội dung chính

của mục tiêu sinh kế bền vững là theo đuổi mục tiêu ổn định nhiều loại nguồn lực khác nhau sao cho không ảnh hưởng đến sự ổn định của môi trường tự nhiên.

Khi những biến động xảy ra (như một cuộc di dân quy mô lớn) di chuyển toàn bộ cộng đồng đến một hoặc một vài địa phương khác thì cũng có nghĩa là có một biến động to lớn đến hoạt động sinh kế của hộ dân cũng như của cộng đồng bị ảnh hưởng. Việc di chuyển, đặc biệt là di chuyển tái định cư của các dự án thủy điện, sẽ làm thay đổi môi trường sống, tác động mạnh mẽ đến lối sống, điều kiện sản xuất, sinh hoạt và các nguồn lực, tài sản khác của hộ gia đình và cộng đồng. Để tồn tại, người dân cũng như cộng đồng đó sẽ phải có những nỗ lực để duy trì những hoạt động sinh kế cũ cũng như cố gắng tiếp nhận những cách thức hoạt động sinh kế mới phù hợp với nơi ở mới, đó là những hoạt động khôi phục sinh kế.

Chiến lược sinh kế bao gồm các hoạt động như là phương tiện để mưu sinh của các nông hộ (Ellis, 2000). Nói cách khác, các chiến lược sinh kế phản ánh các phương án kết hợp các hoạt động, các sự lựa chọn có thể để tối ưu hóa việc sử dụng các tài nguyên hiện có nhằm đạt được các mục tiêu

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV5.2- 2011.12.

sinh kế của nông hộ (bao gồm các hoạt động sản xuất, chiến lược đầu tư, sự lựa chọn cho tái sản xuất...). Trong bối cảnh lịch sử nhất định (như quy hoạch di dân, hoặc tái định cư), hoạt động và chiến lược sinh kế của hộ lại chịu sự chi phối của điều kiện chung của cộng đồng thôn bản hay điểm dân cư.

Thủy điện Sơn La là công trình thủy điện có quy mô di chuyển, tái định cư (TĐC) lớn nhất Việt Nam, với 18.897 hộ, 92.301 người của 30 xã và 227 bản làng, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 95,3% (Thái - 83,1%, La Ha - 5,9%, còn lại là Khơ-mú, Kháng, Hmông, v.v.) thuộc 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu (Trần Văn Hà, 2015). Từ góc độ kinh tế - xã hội, quá trình thực hiện di chuyển dân cư với quy mô lớn như vậy sẽ làm thay đổi môi trường sống, tác động mạnh mẽ đến tập quán ổn định đời sống, sinh kế, điều kiện sản xuất, sinh hoạt và các nguồn lực, tài sản khác của hộ gia đình và cộng đồng.

Quá trình di dân TĐC dự án Thủy điện Sơn La, ngoài sự hỗ trợ di chuyển, lương thực... ban đầu và đền bù về tài sản bị thiệt hại từ Nhà nước để ổn định ăn, ở, sinh hoạt cho người dân bị ảnh hưởng, thì sự thích nghi với môi trường TĐC thông qua thay đổi sinh kế và xây dựng chiến lược sinh kế của hộ là đòi hỏi cấp thiết từ ổn định cuộc sống và phát triển bền vững giai đoạn hậu TĐC.

Bài viết này tập trung phân tích sự thay đổi sinh kế cũng như vai trò của tri thức địa phương trong chiến lược sinh kế để ổn định đời sống và phát triển sản xuất của các hộ gia đình, cộng đồng TĐC Thủy điện Sơn La và những thách thức đặt ra. Khảo sát được thực hiện tại các cộng đồng TĐC ở bản

Mường Bó, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu và Phiêng Búng 2, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, năm 2014. Khảo sát có sử dụng dữ liệu với điểm TĐC mẫu Tân Lập (Mộc Châu) để so sánh.

## 2. Đôi nét về địa bàn nghiên cứu

Mường Bó thuộc xã Lóng Sập (Mộc Châu) cách trung tâm huyện lỵ 30km về phía Tây. Xã có 3 điểm dân cư với 80 hộ, 342 khẩu là các hộ gia đình thuộc bản Lả Mường, xã Mường Trai, huyện Mường La di chuyển về từ năm 2006. Thực hiện chính sách cấp đất ở và đất sản xuất cho hộ TĐC, xã Lóng Sập đã thu hồi đất của các hộ dân sở tại và cấp đất ở và đất canh tác cho các hộ theo quyết định của UBND tỉnh Sơn La, gồm đất ở: 400m<sup>2</sup>/hộ và đất sản xuất: 3.600m<sup>2</sup>/khẩu (trong đó có 250m<sup>2</sup> ruộng, còn lại là nương). Hiện nay, đời sống cộng đồng TĐC Mường Bó, xã Lóng Sập đã ổn định sau gần 10 năm phát triển sản xuất. Tuy vẫn còn 18 hộ thuộc diện nghèo và cận nghèo theo tiêu chí mới, nhưng đã có 15 hộ khá giả, có chiến lược sinh kế bền vững<sup>2</sup>.

Bản Phiêng Búng 2 có 46 hộ, 195 khẩu thuộc xã Mường Bú, huyện Mường La, cũng là người Thái xã Mường Chai di chuyển từ bản Búng Cuông đến từ tháng 12 năm 2006. Diện tích đất ở được cấp cho mỗi hộ là 400m<sup>2</sup> nhưng đất canh tác chỉ được 2.900 m<sup>2</sup>/khẩu. Đời sống kinh tế của cộng đồng người Thái TĐC Phiêng Búng 2 so với Mường Bó khá hơn. Đến thời điểm nghiên cứu, số hộ có kinh tế khá là 25 hộ, và chỉ có 6 hộ nghèo. Số hộ kinh tế khá giả ở Phiêng

<sup>2</sup> Tư liệu nghiên cứu thực địa tháng 12/2013 và tháng 2/2014.

Bùng 2 đã có chiến lược đầu tư sinh kế bài bản hơn so với Mường Bó.

Ngoài việc mua đất ruộng, nương của dân sở tại để đầu tư trồng ngô hàng hóa, có hộ đã đầu tư ô tô tải và máy cày kinh doanh việc làm đất, vận chuyển sản phẩm ngô, sản hàng hóa thu mua được tại bản<sup>3</sup>.

Về cơ bản, thực hiện phương châm di dân, TĐC tập trung theo cộng đồng, dòng họ đã có dấu hiệu tích cực. Điều thú vị là ở 2 điểm khảo sát được lựa chọn, tuy là các bản khác nhau nhưng đều ở địa phương nơi ở cũ thuộc xã Mường Trai, Mường La. Tuy không cùng dòng họ nhưng đều là những cộng đồng láng giềng xưa, và có quan hệ xã hội và văn hóa nhất định. Do phải chia tách bởi TĐC thủy điện và dấu cách xa nhau 50km nhưng họ vẫn giữ mối quan hệ xã hội.

Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã chỉ đạo cấp huyện, xã - nơi tiếp nhận hộ TĐC, phải có trách nhiệm bố trí điểm TĐC tốt nhất, đó là phải cùng dân tộc, tương đồng về phong tục, tập quán và dựa trên quy hoạch chi tiết về nơi ăn chốn ở. Trong quá trình thực hiện phương án di chuyển, đã có sự tham gia của người dân từ tham quan điểm đến với quy hoạch chi tiết về mặt bằng cư trú, phương án sản xuất. Đồng thời, việc đón dân TĐC cũng được cơ quan chuyên môn kết hợp với chính quyền xã quan tâm đến cuộc sống và quan hệ của 2 cộng đồng TĐC và sở tại. Đặc biệt, đối với dự án TĐC Thủy điện Sơn La, việc giải quyết đền bù, hỗ trợ cho cộng đồng tại chỗ về những chia sẻ đất đai và nguồn lợi công cộng khác đã có chính sách minh bạch.

Sau 9 năm thực hiện di chuyển, các cộng đồng Phiêng Bùng 2 và Mường Bó đã có những thay đổi rõ rệt trong ổn định đời sống. Họ hoàn toàn yên tâm với nơi ở mới. Tuy nhiên, việc tái phục hồi sinh kế bền vững và chiến lược xây dựng một sinh kế bền vững của hộ và cộng đồng cũng có một số vấn đề cần đặt ra.

### 3. Thách thức trong ổn định đời sống và phục hồi sinh kế của hộ tái định cư

Quy hoạch của dự án TĐC Thủy điện Sơn La, quán triệt phương châm ưu tiên đối với các hình thức TĐC nội xã, nội huyện và nội tỉnh. Gắn liền với ba hình thức di dân, TĐC chủ yếu là di vén (di lên trên cốt ngập), di xen ghép (xen ghép với dân sở tại), và di tập trung (di cả làng/bản đến nơi ở mới). Dưới góc độ quy hoạch, đó là hình thành các điểm và khu TĐC thuộc hai loại hình TĐC nông thôn và đô thị. Tại 3 tỉnh bị ảnh hưởng bởi dự án TĐC Thủy điện Sơn La, gồm Lai Châu, Điện Biên và Sơn La đều có các hình thức TĐC này, nhưng khác về mức độ và lượng hộ, nhân khẩu.

Theo Đề án của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, 2005), công tác giao đất, giao rừng tại địa bàn của 3 tỉnh bị ảnh hưởng về cơ bản đã hoàn tất. Vì vậy, để quy hoạch, di chuyển dân đến phải thực hiện thu hồi và hỗ trợ đền bù dựa trên quỹ đất đã có. Tuy nhiên, với từng loại TĐC, việc áp giá đền bù các loại đất cũng không giống nhau và giữa các tỉnh cũng có khung giá khác biệt ở các khoảng cách và vị trí cư trú và lợi thế kinh doanh. Đồng thời, di dân nội xã và một số điểm di dân, TĐC nội huyện, việc thu hồi đất đai và chuyển dân TĐC đến có được đất

<sup>3</sup> Tư liệu nghiên cứu thực địa tháng 2/2014.

nương, ruộng tốt nhưng đều phải chấp nhận diện tích thấp hơn so với các khu, điểm TĐC nội tỉnh nhưng khác huyện. Tuy nhiên, tại các khu, điểm TĐC nông thôn khác huyện bên cạnh việc di chuyển xa, vị trí quy hoạch không thuận lợi cho giao lưu trao đổi sản phẩm hàng hóa, và không loại trừ có điểm quy hoạch TĐC, hộ đã phải nhận diện tích đất ruộng ít ỏi, cũng như một phần đất đồi bạc màu, nhiều năm không được cải tạo do cư dân sở tại bàn giao.

Cách thức đền bù đất thổ cư và đất vườn ở điểm TĐC ở Mộc Châu hay Mường La cũng bộc lộ bất cập, chưa rõ ràng trong tổ chức thực hiện. Việc tính toán đền bù số đất bị mất hoặc thu hồi dựa vào sự phân định đất ở và đất vườn cùng khuôn viên là chưa phù hợp vì sự phân định này đối với các đồng bào dân tộc thiểu số là chưa phù hợp với tập quán hưởng dụng và quản lý đất đai truyền thống. Theo quan niệm truyền thống của đồng bào, tất cả đều là đất ở. Trong khi đó, giá đền bù đất thổ cư cao gấp nhiều lần so với đất vườn. Do vậy, tư duy tách thành đất vườn ra như người Kinh là không hợp về lý với tập quán hưởng dụng và quản lý đất đai trong khi thực hiện chính sách. Đây cũng chính là vấn đề gây thắc mắc, không thông suốt về chính sách đền bù với các hộ dân. Đồng thời, đó cũng chính là kẽ hở phát sinh những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong thống kê đền bù.

Cùng với khó khăn về sự thay đổi loại đất đai canh tác, việc chậm bàn giao đất canh tác, tiền đền bù đất nơi ở cũ chậm trễ là trở ngại tổng hợp đối với hộ gia đình TĐC trong ổn định đời sống, chuyển đổi sinh kế.

Bên cạnh vấn đề đất đai là nguồn nước sinh hoạt và nước cho sản xuất, chăn nuôi ở

các điểm, khu TĐC. Thực tế, ở nhiều điểm TĐC đang rơi vào tình trạng thiếu nước trầm trọng phục vụ cho đời sống, sản xuất, nước uống cho gia súc, nhất là những bản TĐC ở địa hình cao, dốc. Chẳng hạn, tại khu TĐC Tân Lập, Mộc Châu, Sơn La ở độ cao khoảng 1.000m so với mặt biển, khí hậu lạnh hơn về mùa đông, khiến cho những cây trồng cũ không thích nghi được. Nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất thường xuyên không đủ, nhất là vào mùa khô tình trạng thiếu nước kéo dài 2 - 3 tháng. Trong khi đó, tại nơi ở cũ, họ được hưởng nguồn nước rất dồi dào từ sông, suối, ao. Do đất sản xuất chất lượng kém, khô và dốc, diện tích đất bị hạn chế cũng chỉ bằng một nửa diện tích đất mà hộ sử dụng ở Ít Ong, Mường La (Trần Thị Mai Lan, 2007). Điều kiện sống mới đã khiến cho phương thức sản xuất của người dân bị thay đổi về cơ bản. Từ canh tác lúa nước 2 vụ/năm, khi chuyển đến nơi ở mới, việc canh tác lúa nương chỉ còn 1 vụ/năm với năng suất thấp.

Tại các điểm TĐC Chiềng Sơn, Lóng Sập (Mộc Châu), do thay đổi môi trường sống, số gia súc, vật nuôi được đưa từ quê cũ Mường La đến cũng không thích nghi được nên bị chết khá nhiều. Tập quán nuôi, đánh bắt và buôn bán thủy sản vốn đã tồn tại lâu đời trong hoạt động kinh tế của các hộ TĐC cũng không được phát huy ở vùng đất mới do không có sông suối và diện tích đất hẹp nên không thể đào ao nuôi cá. Thêm nữa, đất rừng không được giao, những sản phẩm thu hoạch từ rừng cạn kiệt, vườn rau và vườn cây ăn quả vốn phong phú về chủng loại, tạo ra thu nhập ổn định cho đồng bào ở quê cũ nay cũng chỉ đủ ăn hoặc cho các gia đình khác trong bản lân cận.

Bên cạnh chăn nuôi và trồng trọt, nghề dệt thổ cẩm vốn là nghề truyền thống của người Thái mang lại thu nhập cho các gia đình. Ở các điểm TĐC hiện nay, nghề này đang có xu hướng bị thu hẹp và thui chột, vì không có đất trồng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Thực tế hướng tới tìm kiếm giải pháp cho nhiệm vụ ổn định sản xuất, đưa nền kinh tế các vùng TĐC hướng theo các mục tiêu chiến lược đang là nhiệm vụ bất khả thi. Thách thức trong thực hiện phương châm phát huy giá trị tri thức địa phương tộc người cần phải bàn từ cả góc độ kinh tế - xã hội và văn hóa ở hầu hết địa bàn TĐC.

Thông qua tái tạo nguồn sinh kế mới để có nguồn thu nhập, ổn định đời sống của các hộ bị ảnh hưởng hầu như còn bỏ ngỏ trong hơn 5 năm qua đối với các dự án TĐC. Chẳng hạn, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp bị mất đất canh tác, chuyển đổi nghề cho hộ chuyên cư phi nông nghiệp, v.v. Đây là thách thức lớn trong chiến lược sinh kế đối với hộ gia đình và cộng đồng TĐC. Cụ thể, đối với hộ di vãn vẫn còn tận dụng được một vài vụ với nguồn hoa lợi chưa bị ngập ở mức nước dâng quy định, nhưng chiến lược đầu tư kinh tế hộ lại không ổn định. Đối với hộ di chuyển xa đến các khu TĐC tập trung hoặc xen ghép có đất nơi ở mới được đền bù cũng ít màu mỡ hơn và năng suất thấp, khả năng đầu tư vốn và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật qua những trải nghiệm bị thất bại. Chẳng hạn như mô hình phát triển trồng chè xuất khẩu, nuôi bò sữa ở khu TĐC Tân Lập thật sự không thuyết phục đối với họ (mặc dù được bổ túc bằng các khóa khuyến nông trong quá trình TĐC).

Do thiếu đất canh tác, các nghề thủ công truyền thống bị mai một trong khi công cuộc chuyển đổi cơ cấu kinh tế chưa tạo ra sự thay đổi cần thiết. Tình trạng thiếu việc làm, nhất là đối với thanh niên trong độ tuổi lao động đang trở thành vấn đề bức xúc tại các điểm TĐC. Khi tiến hành điều tra ở một số điểm TĐC thuộc huyện Mường La về vấn đề việc làm của những người TĐC đã chuyển đến nơi ở mới cho thấy: nếu như trước khi di chuyển có tới 87,2% lao động có việc làm thì sau khi di chuyển chỉ còn hơn 66% lao động vẫn giữ nguyên việc làm, còn gần 30% lao động bị mất việc và thất nghiệp. Lý do chính mà đồng bào đưa ra là do không hoặc chưa có đất sản xuất, hoặc có nhưng rất ít đối với những người nông dân (chiếm 95% số người được hỏi); còn đối với những người đánh cá trước đây, họ sống phía dưới lòng hồ, nay bị di chuyển lên cao hoặc ra ngoài vùng ảnh hưởng, xa sông nước nên không có khả năng đánh cá như trước<sup>4</sup>. Đối với những người mà cuộc sống của họ gắn liền với sông nước, rõ ràng rủi ro về mất việc là cao hơn và họ phải mất nhiều thời gian hơn để thích ứng với cuộc sống mới. Đối với những người sở tại, phần lớn là nông dân nên nếu đất canh tác của họ bị thu hẹp vì phải chia sẻ với những người TĐC thì tình trạng bị nghèo do không đủ nguồn thu nhập vẫn còn rất cao. Đây cũng chính là vấn đề ảnh hưởng tới việc ổn định, phát triển sản xuất và xây dựng cộng đồng cư dân đoàn kết, gắn bó giữa dân sở tại với đồng bào TĐC.

<sup>4</sup> Tư liệu nghiên cứu thực địa tháng 2/2014.

Hầu hết các hộ di dân khỏi lòng hồ thủy điện Sơn La, đều dựa vào sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, việc đánh bắt cá và thủ công dệt hay đan lát chỉ là hoạt động kinh tế phụ trong thu nhập của hộ gia đình. Qua nhiều thế hệ, người dân nơi đây đã tích tụ, lưu truyền được vốn tri thức quý báu thích nghi với điều kiện, môi trường tự nhiên và chinh phục nó để phục vụ đời sống, hình thành nền văn hóa lúa nước kết hợp với canh tác nương (lúa, ngô và cây màu). Việc trồng trọt trên nương chủ yếu thực hiện trong vụ xuân hè. Nhìn chung, nền sản xuất của đồng bào vẫn chưa được phát triển, năng suất và sản lượng còn thấp và mang nặng dấu ấn của nền sản xuất tự cấp tự túc, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong gia đình. Tại nơi TĐC do diện tích đất nông nghiệp của các hộ dân giảm đi so với trước kia là một thách thức đối với kinh tế nông nghiệp thiếu tính thâm canh. Theo quy định của chính sách bồi thường, di dân, TĐC của Chính phủ cũng như quy định cụ thể của tỉnh, các hộ dân vẫn được nhận một diện tích đất nông nghiệp đủ để đảm bảo an ninh lương thực và thu nhập cho người dân TĐC. Nhưng vì phải di vén đến những nơi cao hơn (di nội xã), hoặc di chuyển xen ghép hay tập trung đến nơi mới quỹ đất nông nghiệp hạn hẹp nên các hộ tái định cư nhận được diện tích đất để canh tác lúa nước rất hạn chế, đôi khi là không có khả năng bố trí đất trồng lúa nước cho dân TĐC. Điều này tác động trực tiếp đến tập quán canh tác của hộ và cần có thời gian thích nghi và ứng phó với thực tế.

Khi đất đai canh tác thu hẹp, các nghề thủ công truyền thống có xu hướng bị mai một, việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho đồng bào ở các điểm TĐC chưa được định

hình rõ nét với những hướng đi khả dĩ thì việc người dân sử dụng số tiền nhận được từ sự đền bù của dự án đang trở thành vấn đề nan giải. Đi kèm với sự mất ổn định về việc làm, sản xuất, thu nhập là sự tăng chi tiêu phục vụ cho đời sống thường ngày của đồng bào. Khi tiến hành khảo sát ở một vài điểm TĐC ở Mường La cho thấy 50% số hộ trả lời là thu nhập của họ giảm, trong khi đó chỉ có 10% cho rằng thu nhập tăng lên. Do đó, họ cố gắng thu hoạch cây trồng để bán (chủ yếu là gạo và ngô), còn sản phẩm chăn nuôi như lợn, dê thường bị mất vì không có người trông giữ. Về tiêu dùng, gần 63% số hộ được hỏi cho biết chi tiêu của họ tăng lên, chỉ có 4,5% là giảm xuống và 26% là không đổi<sup>5</sup>. Lý do chủ yếu của sự gia tăng tiêu dùng là do đồng bào phải chi nhiều khoản hơn do nhu cầu sinh hoạt tăng lên. Điều này dễ hiểu bởi trong giai đoạn đầu TĐC, người bị ảnh hưởng chưa ổn định đời sống, các hoạt động tự cung tự cấp như trồng rau xanh cũng chưa được khôi phục. Ngoài ra, việc giá cả cao do thay đổi địa điểm làm cho chi tiêu gia tăng là một thực tế.

Mặt khác, số lớn các hộ thuộc dự án TĐC là đồng bào dân tộc thiểu số có cuộc sống kinh tế khó khăn nên khi được nhận tiền đền bù từ đất đai, nhà ở do tập quán chi tiêu không có kế hoạch, lại chưa biết đầu tư gì cho sản xuất nên họ đã dùng phần lớn số tiền đó để mua xe máy, đồ đạc hoặc tiêu dùng phung phí. Tiền đền bù hết, nguy cơ thiếu đói, mất an ninh lương thực và rơi vào tình trạng nghèo đói là khó tránh khỏi. Do nhận được số tiền đền bù từ dự án TĐC nên nhiều gia đình mua từ 1 đến 2 xe máy. Đi

<sup>5</sup> Tư liệu nghiên cứu thực địa tháng 2/2014.

kèm với nó là việc tăng thêm các khoản chi phí cho phương tiện, là yếu tố gây mất cân bằng giữa thu và chi của hộ ngày càng lớn.

#### **4. Tri thức địa phương tộc người và sự trải nghiệm hiệu quả cho phục hồi sinh kế và xây dựng chiến lược kinh tế hộ tái định cư**

Từ góc độ kinh tế - xã hội, di dân, TĐC thực chất là sự cấu trúc lại không gian sinh tồn của những cộng đồng người bị ảnh hưởng. Đối với các hộ gia đình và cộng đồng TĐC ở hai huyện Mộc Châu và Mường La, tỉnh Sơn La đều là các tộc người có truyền thống định canh định cư tại làng bản ổn định cả về đời sống vật chất và tinh thần. Vì thế, việc di dân, TĐC là một sự thay đổi, phá vỡ tính ổn định về không gian sống và tập quán canh tác cũng như tri thức địa phương tộc người được tích lũy qua nhiều thế hệ. Qua thực tế khảo sát, hai vấn đề được phát hiện liên quan giữa tri thức địa phương tộc người đối với việc phục hồi sinh kế và chiến lược xây dựng sinh kế của hộ và cộng đồng TĐC: i) Quan hệ đất đai; và ii) Việc lựa chọn cây, con giống mới để phát triển kinh tế hàng hóa của hộ gia đình.

Quan hệ đất đai là vấn đề nổi cộm liên quan đến tri thức địa phương tộc người và giải quyết ổn định sản xuất và sinh kế của hộ, cộng đồng TĐC. Công tác giao đất, giao rừng cho hộ TĐC theo quy hoạch diễn ra rất chậm trễ ở các điểm khảo sát. Nguyên nhân chính là chưa xử lý hài hòa giữa chính sách đất đai với tập quán hưởng dụng đất đai của tộc người (nói cách khác là quan hệ giữa luật pháp và tập quán pháp trong sử dụng đất đai). Thực tế cho thấy, việc sử dụng đất và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên của

người Thái ngoài cơ sở pháp lý, tức quyền công nhận bởi luật đất đai, vẫn tồn tại thiết chế xã hội phi quan phương hậu thuẫn cho quyền sử dụng này như quyền thừa kế, bình đẳng giới trong sử dụng tài nguyên đất đai. Qua tổng kiểm kê về hiện trạng đất đai phục vụ đền bù trong quá trình TĐC ở hầu hết các địa bàn, đều có những biểu hiện không cân nhắc kỹ đến các đặc điểm truyền thống này. Do vậy, khi tiến hành đền bù, cán bộ dự án lúng túng. Người dân thắc mắc, khiếu kiện đến nhiều cấp khác nhau, thậm chí không nộp giấy tờ để nhận tiền đền bù. Đây là những hiện tượng chẳng những chỉ gây nhiều cản trở cho quá trình triển khai các hợp phần khác nhau của dự án TĐC, mà còn gây tổn hại đến ổn định đời sống và sản xuất của hộ TĐC và người dân sở tại. Nếu không giải quyết tốt vấn đề đất đai và sử dụng tài nguyên thiên ở vùng đất cũ và những vùng đất đồng bào TĐC mới đến sẽ là nguy cơ cho ổn định đời sống, an ninh lương thực trước mắt và chiến lược phát triển sinh kế bền vững. Quan hệ đất đai là hợp phần quan trọng của quá trình thực hiện dự án TĐC. Vì vậy, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tập quán sử dụng đất đai truyền thống và chính sách đền bù, hỗ trợ đối với các cộng đồng cư dân cũng chính là giữ vững các mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng, giữa cộng đồng với chính quyền sở tại, giữa hộ sở tại và hộ TĐC kể cả ở địa bàn xen ghép.

Tri thức địa phương tộc người còn thể hiện trong ở một chiều cạnh khác về sử dụng và quản lý đất đai truyền thống, xuất hiện trong quá trình thực hiện dự án TĐC Thủy điện Sơn La. Điều này thể hiện ở tình trạng đa dạng về nguồn hưởng dụng đất đai của tộc người Thái tại các điểm TĐC thuộc diện

phải di chuyển. Đó là quyền thừa kế theo luật tục. Không ít gia đình được hưởng dụng quyền thừa kế trong bối cảnh lịch sử như vậy. Những năm gần đây, thị trường thuê và cho thuê đất hình thành, tình trạng tích tụ ruộng đất, thông qua chuyển nhượng của một số hộ gia đình đã mua đất nương của nhiều hộ khác để trồng ngô hàng hóa (chủ yếu thỏa thuận miệng hoặc bằng giấy viết tay), nhưng vẫn đứng tên chủ cũ. Thực tế khác rất phổ biến là đất ruộng được quản lý theo hồ sơ và cấp sổ chứng nhận quyền sở hữu; ngược lại, đối với đất nương rẫy, đặc biệt là khu đất dốc, vẫn do hộ gia đình quản lý, sử dụng. Như vậy, một mặt đã tạo nên sự khác biệt trong công tác quản lý đối với mỗi loại hình đất đai; mặt khác, lại tạo ra sự chênh lệch về diện tích hiện có của hộ gia đình với giấy tờ, hồ sơ của cơ quan địa chính xã. Điều này gây trở ngại trong giải quyết đền bù đất đối với hộ gia đình. Bên cạnh đó, việc áp giá đền bù không phù hợp gây trở ngại đối với quá trình ổn định đời sống, sản xuất cho hộ TĐC.

Ở các khu TĐC, các cây trồng, vật nuôi cũng được lựa chọn và áp dụng ở quy mô hộ gia đình để phát triển kinh tế hàng hóa cho các nông hộ. Sau khi TĐC, để thực hiện mục tiêu chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, điểm TĐC Tân Lập đã triển khai mô hình dự án hỗ trợ sản xuất chè và nuôi bò sữa. 97 hộ TĐC bản Nà Tân, xã Tân Lập được chia mỗi khẩu là 1.000m<sup>2</sup> đất trồng chè trồng chè và 1.000m<sup>2</sup> đất trồng ngô. Mỗi hộ được giao 4 con bò sữa và 1.000m<sup>2</sup> đất/khẩu để trồng cỏ nuôi bò. Nhưng vì không có kỹ thuật và thiếu kinh nghiệm trồng chè (chưa kể đến giá chè bấp bênh) nên thu nhập của các hộ trồng chè

đều rất thấp. Đặc biệt, vì năng suất của loại chè Bát Tiên mà hộ gia đình được khuyến nông phổ biến trồng không cao nên cuối năm 2005, Nông trường chè Mộc Châu đã yêu cầu bà con phá bỏ để trồng mới loại chè Kim Tiên. Mặc dù đã đổi giống chè, nhưng sau 3 năm, năng suất chè vẫn thấp, khiến thu nhập của hộ TĐC suy giảm. Đối với các gia đình nuôi bò sữa, do thiếu cỏ, dịch bệnh đàn bò có xu hướng gia tăng, chết nhiều, khiến cho thu nhập của người dân từ bò sữa cũng rất thấp (UBND huyện Mộc Châu, 2012). Nhiều hộ gia đình đã mang bò trả lại cho Nông trường Mộc Châu. Đất đai cằn cỗi, nên diện tích đất trồng ngô của đồng bào cũng không mang lại năng suất cao và khó cải thiện nhu cầu lương thực tại các điểm TĐC. Sự thất bại của các mô hình áp dụng cây con giống mới không dựa trên kiến thức địa phương âu cũng là sự trải nghiệm, đúc rút kinh nghiệm cho hộ gia đình và cộng đồng khi xây dựng chiến lược sinh kế để phát triển kinh tế hàng hóa ở địa bàn TĐC.

Đến nay, tại các điểm TĐC được khảo sát, đã không chọn phương thức ổn định sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế giống như Tân Lập. Tuy nhiên, phương hướng giải quyết về việc làm cho người dân TĐC, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất gắn liền với phục hồi sinh kế là vấn đề còn thực sự gác lại cho thực thi Quyết định 64-CP giai đoạn hậu TĐC. Hiện tại, tại các điểm TĐC hiện nay, việc ổn định sản xuất cho các hộ dân TĐC mới chỉ dừng lại ở việc khuyến khích hộ gia đình ở các cộng đồng TĐC trồng các loại cây và chăn nuôi các con vật mà người dân sở tại đang nuôi trồng. Điều này đòi hỏi hộ gia đình TĐC trước hết phải tích nạp kinh nghiệm

và áp dụng tri thức địa phương tộc người nhằm hướng đến thay đổi sinh kế hiệu quả.

### Thay lời kết

Khảo sát các điểm TĐC ở Sơn La từ năm 2005 đến nay cho thấy, sự thay đổi về điều kiện sống, không gian sinh tồn, về khí hậu, điều kiện sản xuất và kinh doanh đã tác động lớn đến chất lượng cuộc sống của hộ gia đình và cộng đồng bị ảnh hưởng. Công tác đền bù, hỗ trợ thiệt hại về đất đai, cây cối hoa màu và nhà cửa... gắn với quá trình giúp người dân bị ảnh hưởng ổn định đời sống, phục hồi sinh kế. Về cơ bản, công tác di dân TĐC Thủy điện Sơn La đã có đổi mới. Quá trình thực hiện theo quy chế đặc thù của Chính phủ đối với dự án di dân, TĐC Thủy điện Sơn La, đã xuất hiện nhiều vấn đề lớn trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa và môi trường, vì quy mô dự án lớn cấp quốc gia. Để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến ổn định đời sống, phát triển và xây dựng chiến lược sinh kế bền vững cho hộ và cộng đồng còn rất nhiều vấn đề cần bàn bởi trên thực tế, còn bất cập trong đền bù, hỗ trợ chưa được giải quyết thấu đáo cùng với sự chậm trễ trong thực hiện các chính sách.

Kiến thức địa phương tộc người, về bản chất, là quá trình tích lũy kinh nghiệm, sự trải nghiệm thực tế và được lưu giữ thông qua việc trao truyền giữa các thế hệ trong các cộng đồng, tộc người. Tuy vậy, để duy trì và phát huy giá trị của tri thức địa phương tộc người đòi hỏi môi trường thực hành và sự thích nghi trong chuyển đổi. Thực tế qua nghiên cứu ở các điểm TĐC trên đây cho thấy, do thiếu các tiền đề cho sự phát triển

sản xuất nên nhiều tri thức địa phương tộc người về phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển kinh tế nông nghiệp chưa được khôi phục làm cơ sở để chuyển đổi cơ cấu kinh tế tại các điểm TĐC theo hướng đi mới. Việc kết hợp giữa tri thức địa phương tộc người và tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển sản xuất, phục hồi sinh kế và xây dựng chiến lược kinh tế hộ là vấn đề cần bàn. Những trải nghiệm không thành công từ các mô hình phát triển kinh tế hàng hóa của hộ và cộng đồng TĐC đã chỉ ra những bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng chính sách an sinh xã hội và phát triển sinh kế cho hộ và cộng đồng giai đoạn hậu TĐC.

### Tài liệu tham khảo

1. Ashley, C & Carney, D (1999), *Sustainable Livelihoods: Lessons from early experience*, DFID.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2004), *Báo cáo bổ sung về Quy hoạch Tổng thể về Di dân TĐC Dự án Thủy điện Sơn La*.
3. Ellis, F. (2000), *Rural livelihoods and diversity in developing countries*, OUP, Oxford.
4. Trần Văn Hà, Lê Kim Sa (2008), *Tái định cư thủy điện Sơn La: từ góc nhìn kinh tế - xã hội*, Warecod, Hà Nội.
5. Trần Thị Mai Lan (2007), “Người Thái ở khu tái định cư xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 22-25.

6. Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam - VUSTA (2006), *Nghiên cứu về tác động của quá trình tái định cư công trình thủy điện Sơn La*, Hà Nội.

7. Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 17/9/2004 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La về công tác bồi thường di dân tái định cư thủy điện Sơn La.

8. Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La.

9. Shanks, E. (2002), *Khuyến nông khuyến lâm và sinh kế bền vững ở vùng cao của Việt Nam*, Tài liệu xuất bản, Cơ quan Hợp tác phát triển của Thụy Sĩ (SDC), Hà Nội.

10. Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu (2012), *Báo cáo giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống của người dân tại các khu, điểm TĐC dự án thủy điện Sơn La trên địa bàn huyện Mộc Châu*.

11. Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2005), *Phương án điều chuyển dân cư dự án thủy điện Sơn La tỉnh Sơn La*, Hà Nội.



Nhà tái định cư của người Thái ở bản Mường Bó, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

Ảnh: Tạ Hữu Dực